



DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 22/08/2023 Buổi: Chiều

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.104

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	001	Trần Đoàn Khả	Ái	Nữ	13/03/2001					
2	002	Đào Duy	Anh	Nam	01/11/2000					
3	003	Hà Duy	Anh	Nam	06/09/1997					
4	004	Hoàng Bảo	Anh	Nữ	25/03/1998					
5	005	Lê Chí Tuấn	Anh	Nam	28/01/2000					
6	006	Lưu Phước	Anh	Nam	02/09/2001					
7	007	Lưu Việt	Anh	Nam	17/05/1988					
8	008	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	Nữ	31/10/2001					
9	009	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	20/09/1999					
10	010	Vũ Tuấn	Anh	Nam	06/05/1999					
11	011	Vũ Tuấn	Anh	Nam	09/05/2000					
12	012	Nguyễn Thanh	Bách	Nam	26/08/2000					
13	013	Trương Ngọc	Bích	Nữ	14/03/2001					
14	014	Ma Công	Bình	Nam	23/02/1998					
15	015	Nguyễn Băng	Châu	Nữ	09/05/2001					
16	016	Võ Lưu Bảo	Châu	Nữ	12/03/2001					
17	017	Lý Minh	Chiến	Nam	01/02/1999					
18	018	Nguyễn Quốc	Công	Nam	31/05/2000					
19	019	Vũ Đức	Cường	Nam	28/08/1995					
20	020	Nguyễn Vũ Anh	Đào	Nữ	22/08/1998					

DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING
Ngày thi: 22/08/2023
Buổi: Chiều

Giờ thi: _____
Phòng thi: G.105

Hình thức thi
☐ Tự luận
☐ Trắc nghiệm
☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	021	Nguyễn Thị Cẩm	Đoan	Nữ	14/09/2001					
2	022	Nguyễn Minh	Đức	Nam	20/11/2000					
3	023	Hoàng Thị	Dung	Nữ	25/11/2000					
4	024	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Dung	Nữ	30/11/1984					
5	025	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	07/06/2002					
6	026	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	16/10/2000					
7	027	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	31/01/2002					
8	028	Nguyễn Thị Hải	Dương	Nữ	22/02/1998					
9	029	Cao Phan Kỳ	Duyên	Nữ	08/07/2001					
10	030	Trần Hằng Bảo	Duyên	Nữ	30/07/1998					
11	031	Phạm Hoàng	Gia	Nam	11/07/2000					
12	032	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	25/01/2000					
13	033	Lê Trọng	Hải	Nam	03/07/2000					
14	034	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	20/06/1998					
15	035	Phạm Thị	Hân	Nữ	22/12/2001					
16	036	Trần Mai Bảo	Hân	Nữ	09/09/1997					
17	037	Võ Thị Ngọc	Hân	Nữ	14/06/2001					
18	038	Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/01/2001					
19	039	Trần Ngọc	Hạnh	Nữ	22/03/2001					
20	040	Nguyễn Thị Lệ	Hào	Nữ	10/06/1998					

DANH SÁCH DỰ THI

CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING

Ngày thi: 22/08/2023

Buổi: Chiều

Giờ thi: _____

Phòng thi: G.107

Hình thức thi

☐ Tự luận

☐ Trắc nghiệm

☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	041	Nguyễn Xuân Ngọc	Hào	Nữ	19/02/2000					
2	042	Nguyễn Thị	Hệ	Nữ	28/04/2001					
3	043	Đinh Thị Thảo	Hiền	Nữ	16/04/2001					
4	044	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	26/11/2000					
5	045	Danh Vũ	Hiệp	Nam	01/12/2001					
6	046	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	26/07/1999					
7	047	Trương Nguyễn Chí	Hiếu	Nam	15/02/1999					
8	048	Lê Long	Hồ	Nam	11/11/2000					
9	049	Võ Thị	Hoa	Nữ	26/06/2001					
10	050	Trần Thanh	Hoài	Nam	17/09/2001					
11	051	Đỗ Việt	Hoàng	Nam	19/05/2001					
12	052	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	08/04/1989					
13	053	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	Nam	02/10/1997					
14	054	Trần Quốc	Hưng	Nam	17/02/2000					
15	055	Lê Ngọc Thảo	Hương	Nữ	05/08/1999					
16	056	Mai Thị	Hương	Nữ	27/07/1999					
17	057	Nguyễn Kim	Hương	Nữ	04/06/1999					
18	058	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/09/2000					
19	059	Trần Đăng	Hưởng	Nam	03/04/1996					
20	060	Hồ Đông	Huy	Nam	12/01/2001					



DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 22/08/2023 Buổi: Chiều

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.108

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	061	Hoàng Minh	Huy	Nam	18/03/1998					
2	062	Phạm Hoàng	Huy	Nam	08/10/1999					
3	063	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	24/12/2001					
4	064	Nguyễn Ngọc Bích	Huyền	Nữ	18/12/1997					
5	065	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	18/09/1997					
6	066	Trần Thị Thương	Huyền	Nữ	05/03/1995					
7	067	Nguyễn Diễm	Huỳnh	Nữ	17/01/2002					
8	068	Phan Ngọc	Khánh	Nam	30/12/1998					
9	069	Ngô Minh	Khôi	Nam	24/11/2000					
10	070	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	21/12/1999					
11	071	Lê Diễm	Kiều	Nữ	18/01/2000					
12	072	Đặng Thị Hoàng	Kim	Nữ	11/10/2002					
13	073	Nguyễn Thị	Lâm	Nữ	11/01/2001					
14	074	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	14/05/2000					
15	075	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	30/12/2000					
16	076	Lê Thanh	Linh	Nữ	02/12/1997					
17	077	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	01/01/2002					
18	078	Trịnh Thị Vân	Linh	Nữ	17/11/2002					
19	079	Vũ Trúc Anh	Linh	Nữ	03/12/2000					
20	080	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	03/02/2000					

DANH SÁCH DỰ THI

CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 23/08/2023 Buổi: Sáng

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.104

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	081	Nguyễn Bình	Luận	Nam	13/12/2001					
2	082	Lê Huy	Lưu	Nam	22/11/2000					
3	083	Trần Thành	Lưu	Nam	05/02/2000					
4	084	Hoàng Khánh	Ly	Nữ	01/05/2000					
5	085	Nguyễn Cẩm	Ly	Nữ	17/11/2000					
6	086	Điền Thị	Lý	Nữ	20/03/2000					
7	087	Nguyễn Nguyên	Lý	Nam	12/02/2000					
8	088	Trần Thị Trúc	Mai	Nữ	15/03/2000					
9	089	Trần Thị Kiều	Mi	Nữ	24/02/1997					
10	090	Lục Trí	Minh	Nam	17/07/2001					
11	091	Vũ Thị Bình	Minh	Nữ	21/08/2001					
12	092	Trần Trà	My	Nữ	16/06/1998					
13	093	Phạm Thị An	Na	Nữ	04/03/1997					
14	094	Trần Thị Quỳnh	Na	Nữ	09/08/1998					
15	095	Kim Ngọc	Nam	Nam	05/10/2000					
16	096	Lê Phạm Khánh	Nam	Nam	05/05/1996					
17	097	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	11/10/2002					
18	098	Nông Thị	Nam	Nữ	01/05/2001					
19	099	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	02/04/2000					
20	100	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	30/03/2002					



DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 23/08/2023 Buổi: Sáng

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.105

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	101	Đỗ Đông	Nghi	Nam	03/01/2001					
2	102	Đoàn Ngọc Huỳnh	Nghi	Nữ	01/02/2000					
3	103	Trần Thị Mộng	Nghi	Nữ	06/01/2001					
4	104	Đặng Như	Ngọc	Nữ	05/08/2001					
5	105	Hoàng Nữ Diễm	Ngọc	Nữ	06/08/2001					
6	106	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	06/03/2002					
7	107	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/09/2001					
8	108	Phan Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	15/11/2002					
9	109	TrịNh Thị Minh	Ngọc	Nữ	24/04/1998					
10	110	Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	12/11/2000					
11	111	Đỗ Yến	Nhi	Nữ	14/01/1998					
12	112	Huỳnh Tuyết	Nhi	Nữ	17/12/2002					
13	113	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	Nữ	06/06/2000					
14	114	Trần Đan	Nhi	Nữ	25/02/2001					
15	115	Võ Đông	Nhi	Nữ	25/12/1998					
16	116	Vũ Hà Mẫn	Nhi	Nữ	01/08/2001					
17	117	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Nữ	07/05/2001					
18	118	Phạm Nguyễn Phi	Như	Nữ	27/04/2001					
19	119	Vũ Bảo Quỳnh	Như	Nữ	22/08/2001					
20	120	Cổ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	16/10/2000					



DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 23/08/2023 Buổi: Sáng

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.107

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	121	Phó Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/11/2001					
2	122	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	21/04/1996					
3	123	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	23/12/2001					
4	124	Đỗ Tiến	Phát	Nam	03/07/2000					
5	125	Lê Văn	Phú	Nam	24/10/1998					
6	126	Bùi Thị Hà	Phương	Nữ	29/11/2001					
7	127	Đặng Mỹ	Phương	Nữ	23/12/2001					
8	128	Lữ Cao Hà	Phương	Nữ	17/06/2001					
9	129	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	21/04/2001					
10	130	Phan Nguyễn Lâm	Phương	Nữ	09/04/2000					
11	131	Trần Thị Yên	Phương	Nữ	11/06/2000					
12	132	Phạm Nguyễn Bảo	Quốc	Nam	10/09/1997					
13	133	Cao Thị Thúy	Quyên	Nữ	06/07/2001					
14	134	Thạch Quốc	Quyên	Nam	03/07/1984					
15	135	Hồ Tổng Như	Quỳnh	Nữ	03/03/1996					
16	136	Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	16/05/2001					
17	137	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	19/11/2001					
18	138	Nguyễn Tùng Nguyệt	San	Nữ	02/10/1993					
19	139	Nguyễn Văn	Sĩ	Nam	17/08/2000					
20	140	Thân Thị	Tâm	Nữ	05/11/1997					

DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING
Ngày thi: 23/08/2023
Buổi: Sáng

Giờ thi:
Phòng thi: G.108

Hình thức thi
☐ Tự luận
☐ Trắc nghiệm
☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	141	Trần Bảo	Tâm	Nam	03/11/1995					
2	142	Trần Vũ	Tâm	Nam	09/05/1992					
3	143	Hồ Vũ	Thanh	Nam	22/01/2002					
4	144	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	Nữ	21/09/2001					
5	145	Nguyễn Thị Dạ	Thanh	Nữ	12/11/2001					
6	146	Trần Xuân	Thanh	Nam	22/02/2001					
7	147	Dương Tử	Thành	Nam	15/07/2000					
8	148	Lê Thị Mai	Thảo	Nữ	23/03/2000					
9	149	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	26/06/1999					
10	150	Nguyễn Trần Trúc	Thảo	Nữ	10/08/2001					
11	151	Phạm Thị	Thảo	Nữ	22/03/1999					
12	152	Hồ Vĩnh	Thêm	Nam	28/08/2003					
13	153	Nguyễn Hải	Thiên	Nữ	12/01/2001					
14	154	Võ Văn	Thiệu	Nam	15/08/2000					
15	155	Ngô Vũ	Thìn	Nam	04/01/2000					
16	156	Phạm Phú	Thịnh	Nam	11/09/2000					
17	157	Tạ Văn	Thịnh	Nam	28/02/2001					
18	158	Lê Quốc	Thống	Nam	22/10/1996					
19	159	Lưu Thị Quỳnh	Thu	Nữ	20/12/2000					
20	160	Đặng Thị Anh	Thư	Nữ	11/08/2000					

DANH SÁCH DỰ THI

CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 23/08/2023 Buổi: Chiều

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.104

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	161	Đoàn Ngọc Anh	Thư	Nữ	27/03/1999					
2	162	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	03/08/2001					
3	163	Hoàng Thị Minh	Thư	Nữ	25/05/2001					
4	164	Vũ Ngọc Anh	Thư	Nữ	29/01/2003					
5	165	Bùi Thị Thanh	Thuần	Nữ	09/09/1995					
6	166	Đinh Lạc Vĩnh	Thuận	Nữ	03/05/2000					
7	167	Bùi Hoài	Thương	Nữ	06/06/2001					
8	168	Tô Thị Hoài	Thương	Nữ	14/03/1997					
9	169	Đinh Thị Ngọc	Thúy	Nữ	06/06/1997					
10	170	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	14/06/2001					
11	171	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	26/09/2001					
12	172	Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	02/05/2002					
13	173	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	20/09/2001					
14	174	Đào Thủy	Tiên	Nữ	23/11/1998					
15	175	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	28/03/2000					
16	176	Võ Thị Hà	Tiên	Nữ	20/03/2001					
17	177	Phạm Tuấn	Tiến	Nam	15/03/2000					

DANH SÁCH DỰ THI

CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING

Ngày thi: 23/08/2023

Buổi: Chiều

Giờ thi: _____

Phòng thi: G.105

Hình thức thi

☐ Tự luận

☐ Trắc nghiệm

☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	178	Trần Hữu	Tĩnh	Nữ	15/02/2001					
2	179	Mai Văn	Toàn	Nam	20/02/2002					
3	180	Nguyễn Thị Ngọc	Trà	Nữ	11/05/2001					
4	181	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	10/08/2000					
5	182	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	17/05/2001					
6	183	Hồ Thị Thùy	Trang	Nữ	10/10/1998					
7	184	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24/04/2001					
8	185	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/04/1998					
9	186	Phan Hoàng Thảo	Trang	Nữ	14/04/2002					
10	187	Võ Thùy	Trang	Nữ	23/01/2001					
11	188	Vũ Hồ Huỳnh	Trang	Nữ	21/01/2001					
12	189	Đoàn Thanh	Triều	Nam	12/09/2001					
13	190	Đặng Thị Ngọc	Trình	Nữ	05/03/2001					
14	191	Lê Thị Tuyết	Trình	Nữ	15/05/2000					
15	192	Trần Hồng Mỹ	Trình	Nữ	26/10/1997					
16	193	Bùi Thị Thanh	Trúc	Nữ	01/04/2002					
17	194	Dương Minh	Trung	Nam	20/01/1990					

DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING
Ngày thi: 23/08/2023
Buổi: Chiều

Giờ thi: _____
Phòng thi: G.107

Hình thức thi
☐ Tự luận
☐ Trắc nghiệm
☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	195	Phạm Ngô Khánh	Trung	Nam	08/07/1998					
2	196	Nguyễn	Trưởng	Nam	19/06/1998					
3	197	Cao Thanh	Tú	Nữ	26/04/1997					
4	198	Diêm Thị	Tú	Nữ	20/12/2000					
5	199	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	16/08/2001					
6	200	Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	26/10/2001					
7	201	Võ Hữu Nguyễn Tuấn Tú		Nam	29/01/2000					
8	202	Tạ Hồng	Tuân	Nam	11/03/2002					
9	203	Bùi Đức	Tuân	Nam	15/02/2001					
10	204	Đinh Trọng	Tuân	Nam	10/10/1996					
11	205	Nguyễn Phú	Tuân	Nam	22/02/1989					
12	206	Trần Thanh	Tùng	Nam	06/03/1999					
13	207	Vũ Duy	Tùng	Nam	14/05/2000					
14	208	Nguyễn Cát	Tường	Nữ	28/09/2001					
15	209	Đỗ Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	25/11/1999					
16	210	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	03/08/2001					
17	211	Bùi Thị Tú	Uyên	Nữ	08/03/2001					



DANH SÁCH DỰ THI
CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỢT THI: ĐỢT THÁNG 08/2023

Môn thi: SPEAKING Ngày thi: 23/08/2023 Buổi: Chiều

Giờ thi: _____ Phòng thi: G.108

Hình thức thi ☐ Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp

ST	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	212	Đoàn Ngọc Hạ	Uyên	Nữ	06/06/1999					
2	213	Lê Thị Mộng	Uyên	Nữ	24/06/2001					
3	214	Nguyễn Hoàng Xuân	Uyên	Nữ	21/09/2001					
4	215	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	18/04/2001					
5	216	Phan Võ Thái	Uyên	Nữ	02/12/2000					
6	217	Nguyễn Võ Thanh	Vân	Nữ	06/07/2000					
7	218	Trịnh Khánh	Văn	Nam	11/09/2000					
8	219	Võ Hoàng	Vũ	Nam	03/12/2000					
9	220	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	Nữ	18/10/2001					
10	221	Nguyễn Cát Tường	Vy	Nữ	01/04/2001					
11	222	Phan Thị Thuý	Vy	Nữ	23/01/2002					
12	223	Hồ Hoàng Anh	Xuân	Nữ	11/01/2000					
13	224	Huỳnh Trần Như	Ý	Nữ	23/08/2000					
14	225	Nguyễn Như	Ý	Nữ	09/05/2000					
15	227	Nguyễn Phúc	Yên	Nam	05/09/2001					
16	228	Trần Thị Kim	Yến	Nữ	05/06/2000					